

Số: 432/TB-THCS PTH

Gò Vấp, ngày 06 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	57	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	02	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	60/60	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6248	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2800	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2400	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	420	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống khác (m ²)	2400	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	04	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	60	60/60
1.1	Khối lớp 6	1	15/15
1.2	Khối lớp 7	1	14/14
1.3	Khối lớp 8	1	15/15
1.4	Khối lớp 9	1	16/16
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	/

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.1	Khối lớp 6	/	/
2.2	Khối lớp 7	/	/
2.3	Khối lớp 8	/	/
2.4	Khối lớp 9	/	/
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	72m ²	-
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Màn hình LCD (Ti vi)	61/60	61/60
2	Cát xét	15	15/60
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	02/60
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02/02	02/02/60
5	Projector	02	02/60
6	Bảng Actiboard	04	04/60
7	Bảng tương tác	03	03/60

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Màn hình LCD (Ti vi)	60	60/60
2	Cát xét	15	15/60
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02/02	02/02/60
5	Projector	02	02/60
6	Bảng Actiboard	04	04/60
7	Bảng tương tác	03	03/60

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	01 (120)
XI	Nhà ăn	01 (120)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	08		12		0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT-BGĐT BGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế quy định chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Toàn thể CB-GV-VN và HS;
- Cha mẹ học sinh;
- Bảng tin trường;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Vũ Thị Thơ